TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HC - ST
Ngày 11 - 6 - 2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thuế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mậu Thìn

Ông Trần Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST-HC ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thuế"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HC ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty TNHH X

Địa chỉ trụ sở: 127A, N, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phú N, chức danh Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Kim T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Chỗ ở hiện nay: Số A, đường L, Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1. Ông Huỳnh S là Luật sư của Công ty X và Cộng sự - Chi nhánh L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Phạm Công D là Luật sư của Công ty X và Cộng sự - Chi nhánh L 81 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H

- Người bị kiện:

1. Cục Thuế tỉnh B (Nay Chi cục Thuế Khu vực X1)

2. Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh B (Nay Chi cục Trưởng Chi cục Thuế Khu vực X1)

Địa chỉ trụ sở: Số G, đường C, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục Thuế Khu vực X1

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn K, chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế Khu vực X1 (Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2025)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Công ty TNHH X

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phú N, chức danh: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Kim T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Chỗ ở hiện nay: Số A, đường L, Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Trương Kim T, ông Huỳnh S, ông Phạm Công D, ông Nguyễn Tuấn K có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Công ty TNHH X là bà Trương Kim T trình bày nội dung như sau:

Công ty TNHH X (gọi tắt Công ty X), mã số thuế: 2000354845, địa chỉ: A, đường N, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, ngành nghề kinh doanh theo Điều lệ công ty: Xây dựng dân dụng (xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng…), đầu tư khu du lịch sinh thái, đầu tư kinh doanh điện gió; có Chi nhánh tại tỉnh Bạc Liêu, mã số thuế: 2000354845-002, địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chi nhánh được thành lập theo Quyết định số: 08/QĐ-CT ngày 01/02/2011 của Hội đồng thành viên Công ty X, trực thuộc và hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty X từ khi thành lập. Đến ngày 03/10/2019, Phòng Đăng ký kinh doanh có Giấy xác nhận số 4504/19 xác nhận Chi nhánh hoạt động theo hình thức hạch toán độc lập, đến tháng 04/2022 thì chuyển sang hình thức hạch toán phụ thuộc *(Giấy xác nhận số: 1615/22 ngày 13/4/2022 về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh).* Chi nhánh không có vốn điều lệ, không có nguồn vốn đầu tư, hoạt động của Chi nhánh được Công ty X ký kết Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng P – Sở G, thành phố Hồ Chí Minh.

Để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Điện gió tỉnh Bạc Liêu – Giai đoạn II tại địa chỉ xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, ngày 27/02/2014, Công ty X ký Hợp đồng số: 07/2014/HĐKT/CL-TH (viết tắt là Hợp đồng 07) với Liên danh nhà thầu: Công ty Cổ phần V (viết tắt là Công ty V) và

Chi nhánh Công ty TNHH X để mua 01 cần cẩu bánh xích sức nâng 600 tấn và 01 cần cẩu bánh xích sức nâng 275 tấn, giá hợp đồng: 163.522.245.860 đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng - VAT). Việc Công ty X mua 02 thiết bị này được thể hiện tại Quyết định phê duyệt tổng mức đầu tư của dự án (Quyết định số 38A/QĐ-CL ngày 15/03/2017).

Trong các ngày: 19/3/2014, 10/6/2014, 17/10/2014, 03/2/2015, 24/3/2015, 25/4/2015, 27/6/2015, 22/03/2016 Công ty X thực hiện 09 lệnh UNC tại Ngân hàng P – Sở G, thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán toàn bộ giá trị Hợp đồng 07 nêu trên cho Công ty V, tổng số tiền: 179.586.537.860 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Hợp đồng 07 đứng tên Bên mua là Công ty X, và chính Công ty X thanh toán giá trị hợp đồng cho Bên bán là Công ty V bằng hình thức UNC tại Ngân hàng P – Sở G, thành phố Hồ Chí Minh (Công ty X ký kết Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng P – Sở G). Do đó, 02 Cẩu theo Hợp đồng 07 thuộc quyền sở hữu của Công ty X.

Tuy nhiên, Công ty V xuất hóa đơn mua 02 Cẩu cho Chi nhánh Công ty X *(Hóa đơn số: 107 ngày 01/10/2014, hóa đơn số: 157 ngày 02/02/2015, hóa đơn số: 165 ngày 16/03/2015)* là do Cục Thuế tỉnh C hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện tại Biên bản Thanh tra thuế tại Công ty C2 lập ngày 05/3/2015 (thời gian thanh tra thực tế từ 01/10/2014 đến 13/11/2014), nên Chi nhánh dùng các hóa đơn này để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Khi Chi nhánh nộp hồ sơ kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào đã được Cục Thuế tỉnh B chấp nhận, trong khi các chứng từ mua bán, thanh toán 02 Cẩu là của Công ty X.

Ngay sau khi Công ty V chính thức bàn giao 02 Cẩu bằng văn bản cho Công ty X, Công ty X thực hiện trích khấu hao tài sản cố định từ khi nhận thiết bị tháng 11/2014 và cho Công ty V (Nhà thầu) thuê lại 02 Cẩu này để thi công tại Công trường Nhà máy Điện gió tỉnh Bạc Liêu theo Hợp đồng số: 48/2014/HĐKT ngày 01/11/2014 về việc thuê thiết bị Cẩu 600 tấn, 275 tấn lắp dựng Turbine gió thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nhà máy Điện gió tỉnh Bạc Liêu – Giai đoạn II và Phụ lục Hợp đồng ngày 16/11/2015. Sau khi thi công xong, Công ty V bàn giao lại 02 Cẩu cho Công ty X ngày 19/9/2016.

Như vậy, sau khi ký Hợp đồng 07 và thanh toán theo tiến độ hợp đồng, đã có sự bàn giao chính thức bằng văn bản từ Bên bán Liên danh nhà thầu Công ty V và Chi nhánh Công ty TNHH X sang Bên mua Công ty X. Sở dĩ có Biên bản bàn giao tài sản ngày 01/11/2014 và ngày 21/02/2015 từ Chi nhánh sang Công ty X là Chi nhánh giữ và giao lại cho Công ty X trước khi Bên bán chính thức bàn giao thiết bị cho Bên mua vào ngày 15/11/2014 và ngày 21/02/2015. Ngay sau khi nhận bàn giao chính thức từ bên bán, Công ty X cho Công ty V (Nhà thầu) thuê lại 02 Cẩu để thi công tại Công trường Nhà máy Điện gió tỉnh Bạc Liêu theo Hợp đồng 48 ngày 01/11/2014 và Phụ lục Hợp đồng ngày 16/11/2015.

Quá trình cho thuê C, Công ty X xuất Hóa đơn GTGT cho Công ty V đối với chi phí thuê 02 Cẩu theo Hợp đồng 48 từ lúc Công ty V nhận bàn giao 02

Cẩu thuê của Công ty X đến ngày chấm dứt việc thuê C (ngày 19/9/2016) như sau: *Hóa đơn số: 0000020 ngày 31/12/2014; Hóa đơn số: 0000025 ngày 01/4/2015; Hóa đơn số: 0000027 ngày 04/5/2015; Hóa đơn số: 0000030 ngày 01/6/2015; Hóa đơn số: 0000030 ngày 01/6/2015; Hóa đơn số: 0000032 ngày 01/7/2015; Hóa đơn số: 0000033 ngày 01/8/2015; Hóa đơn số: 0000034 ngày 01/9/2015; Hóa đơn số: 0000035 ngày 01/10/2015; Hóa đơn số: 0000036 ngày 01/11/2015; Hóa đơn số: 0000037 ngày 01/12/2015; Hóa đơn số: 0000038 ngày 04/01/2016; Hóa đơn số: 0000039 ngày 01/02/2016; Hóa đơn số: 0000040 ngày 01/3/2016; Hóa đơn số: 0000043 ngày 01/4/2016; Hóa đơn số: 81 ngày 11/07/2024)*

Từ sự trình bày trên, tài sản (02 Cẩu) thuộc quyền sở hữu của Công ty X, Công ty X ký Hợp đồng mua, thanh toán và nhận bàn giao trực tiếp bằng văn bản từ Bên bán. Ngay sau khi nhận 02 Cẩu, Công ty X cho Công ty V thuê lại để thi công tại Dự án Điện gió tỉnh Bạc Liêu. Chi nhánh không có quyền sở hữu đối với 02 Cẩu. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Cục Thuế tỉnh C nên Bên bán Công ty V đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng mua 02 Cẩu theo Hợp đồng số 07 cho Chi nhánh, tổng cộng 03 Hóa đơn *(Hóa đơn số: 107 ngày 01/10/2014, hóa đơn số: 157 ngày 02/02/2015, hóa đơn số: 165 ngày 16/03/2015)*. Chi nhánh dùng các hóa đơn này để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo sự hướng dẫn của Cục thuế tỉnh C tại Biên bản Thanh tra thuế Công ty C2 lập ngày 05/3/2015 (thời gian thanh tra thực tế từ 01/10/2014 đến 13/11/2014) có nội dung: *"Về quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 đối với Dự án Đầu tư Xây dựng công trình Nhà máy Đ: Công ty rà soát lại số liệu, lập quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, báo cáo tài chính… kê khai tại Cục Thuế tỉnh B toàn bộ doanh thu, chi phí đối với hoạt động kinh doanh Nhà máy Điện gió Bạc Liêu"*. Cục Thuế tỉnh B chấp nhận cho Chi nhánh được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nhưng không kiểm tra các hồ sơ, chứng từ thanh toán 02 Cẩu có đúng theo quy định pháp luật hay không.

Các UNC thanh toán Cẩu theo Hợp đồng 07 là của Bên mua Công ty X thanh toán cho Bên bán Công ty V, Công ty X thực hiện trích khấu hao tài sản cố định từ thời điểm nhận bàn giao tài sản tháng 11/2014, tổng số tiền trích khấu hao đối với 02 Cẩu tính đến tháng 12/2020 là 47.412.488.222 đồng. Khi Chi nhánh nộp hồ sơ kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào tại Cục Thuế tỉnh B theo sự hướng dẫn của Cục Thuế tỉnh C tại Biên bản Thanh tra thuế ngày 05/3/2015 nêu trên, Cục Thuế tỉnh B chấp nhận khấu trừ thuế GTGT đầu vào cho Chi nhánh nhưng lại không kiểm tra hồ sơ thanh toán 02 Cẩu xem có đúng theo quy định tại Điều 15 Thông tư 219 hay không. Mặt khác, thời điểm này Chi nhánh trực thuộc và hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty X, Chi nhánh được khấu trừ thuế GTGT đầu vào thì Công ty không được khấu trừ nữa. Hơn nữa, Chi nhánh không có thẩm quyền điều chuyển tài sản và trường hợp này Chi nhánh không điều chuyển tài sản về Công ty nên Cục Thuế tỉnh B kết luận Chi nhánh không xuất hóa đơn khi điều chuyển tài sản về Công ty là không có căn cứ pháp luật.

Ngày 19/8/2020, Cục Thuế tỉnh B ban hành Quyết định số: 1091/QĐ-CT về việc kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế thời kỳ kiểm tra từ năm 2013 đến năm 2019.

Tại Biên bản Kiểm tra thuế tại Chi nhánh Công ty TNHH X ngày 28/9/2020 thể hiện nội dung:

"...Ngày 01/11/2014, Chi nhánh Công ty C3 Cẩu hiệu Hitachi Sumitomo về Công ty TNHH X tại Cà Mau (Công ty) bằng với giá trị trên hóa đơn mua vào kê khai khấu trừ tháng 10/2014 với số tiền hàng 27.407.270.000, thuế đầu vào 2.740.727.000 đồng. Tài sản này không còn được theo dõi trên sổ kế toán, không được trích khấu hao tại Chi nhánh Công ty kể từ thời điểm chuyển giao (theo Biên bản bàn giao tài sản ngày 01/11/2014). Nội dung này đang còn vướng mắc, chờ xin ý kiến của Tổng Cục thuế nên tạm thời chưa xử lý tại Biên bản này.....

Ngày 21/02/2015, Chi nhánh Công ty C3 Cẩu bánh xích hiệu Terex về Công ty TNHH X tại Cà Mau bằng với giá trị trên hóa đơn mua vào kê khai khấu trừ tháng 02/2015 với số tiền hàng 133.235.650.000 đồng, thuế đầu vào 13.323.565.000 đồng. Tài sản này không còn được theo dõi trên sổ kế toán, không được trích khấu hao tại Chi nhánh Công ty kể từ thời điểm chuyển giao (theo Biên bản bàn giao tài sản ngày 21/02/2015). Nội dung này đang còn vướng mắc, chờ xin ý kiến của Tổng Cục thuế nên tạm thời chưa xử lý tại Biên bản này."

Như vậy, tại Biên bản Kiểm tra thuế ngày 28/9/2020 không có nội dung xử lý việc Chi nhánh điều chuyển tài sản về Công ty nhưng không xuất hóa đơn và kê khai nộp thuế GTGT.

Sau 01 năm, ngày 28/9/2021, Đoàn kiểm tra lập bổ sung Phụ lục Biên bản Kiểm tra thuế tại CN Công ty TNHH X, kết luận: *"Chi nhánh là đơn vị hạch toán độc lập, ...khi điều chuyển tài sản cố định, Chi nhánh phải xuất hóa đơn và kê khai nộp thuế theo quy định"*, Đoàn kiểm tra không nêu nội dung Cục Thuế tỉnh B chấp nhận cho Chi nhánh được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nhưng không kiểm tra hồ sơ, chứng từ thanh toán đối với 02 Cẩu là trái quy định tại Điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 về *"điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào"*.

Ngày 11/10/2021, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B ban hành Quyết định số: 867/QĐ-CTBLI xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Chi nhánh Công ty X, buộc Chi nhánh khắc phục hậu quả bằng cách xuất hóa đơn điều chuyển tài sản và nộp tổng số tiền là: 29.731.401.195 đồng (tiền truy thu thuế GTGT và tiền chậm nộp).

Không đồng ý nội dung Quyết định 867 nêu trên nên ngày 27/5/2022, Công ty X gửi Văn bản số: 30/CV-CNCL tới Tổng Cục thuế, trình bày những nội dung không đúng pháp luật của Quyết định số: 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B.

Ngày 06/6/2022, Chi nhánh có Đơn khiếu nại số: 01/ĐKN-CNCL gửi Tổng Cục thuế và Cục Thuế tỉnh B về việc Khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B.

Ngày 28/6/2022, T3 ban hành Văn bản số: 07/TCT-KTKN gửi Chi nhánh Công ty X về việc hướng dẫn gửi đơn khiếu nại như sau: *"...khiếu nại của Chi nhánh Công ty TNHH X không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổng Cục thuế do vụ việc chưa được Cục Thuế tỉnh B thụ lý, giải quyết lần đầu theo quy định. Đề nghị Chi nhánh Công ty TNHH X thực hiện đúng Pháp luật về khiếu nại quy định"*.

Ngày 01/7/2022, Chi nhánh nhận được Thông báo số: 704/TB-CTBLI ngày 29/6/2022 của Cục Thuế tỉnh B về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại, có nội dung:

"Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại (khiếu nại lần đầu) của Chi nhánh Công ty X, căn cứ quy định tại Điều 9 và khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 của Quốc hội, đơn khiếu nại không được thụ lý giải quyết vì lý do sau đây:

Chi nhánh Công ty TNHH X khiếu nại quá thời hiệu 90 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định số 867/QĐ- CTBLI ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng cho nên thuộc trường hợp không được thụ lý giải quyết".

Ngày 05/7/2022, Chi nhánh P1 Thông báo số: 704/TB-CTBLI ngày 29/6/2022 của Cục Thuế tỉnh B tại Văn bản số: 39/CV-CNCL như sau: Do tình hình của dịch bệnh C1 – 19 diễn biến phức tạp đã gây ra những khó khăn nhất định (địa bàn của Chi nhánh Công ty X thuộc vùng diễn biến phức tạp về dịch bệnh theo quy định của địa phương) nên Chi nhánh không có điều kiện liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để khiếu nại giải quyết.

Ngày 13/7/2022, Cục Thuế tỉnh B ban hành Văn bản số: 662/CTBLI-KTNB gửi Chi nhánh về việc trả lời Công văn số: 39/CV-CNCL ngày 05/7/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH X, có nội dung: Không đồng ý với ý kiến trình bày của Chi nhánh Công ty X về lý do khách quan do tình hình dịch bệnh Covid-19.

Sau đó, ngày 26/11/2022, ngày 18/9/2023, ngày 10/4/2024, ngày 24/5/2024, Chi nhánh liên tục gửi đơn khiếu nại đối với Quyết định số: 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B.

Ngày 07/6/2024, Chi nhánh nhận được Văn bản số: 2323/TCT-KTNB ngày 31/5/2024 của T3 về việc trả lời đơn kiến nghị của Chi nhánh Công ty X, nội dung: *"...trường hợp Chi nhánh Công ty TNHH X không đồng ý với Quyết định số: 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 của Cục thuế tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính..."*.

Ngày 27/6/2024, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B ban hành Quyết định số: 681; 682/QĐ-CTBLI về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản đối với Chi nhánh, có hiệu lực đến ngày 29/7/2024.

Ngày 10/7/2024, Cục Thuế tỉnh B ban hành Thông báo tiền thuế nợ số: 2323/TB-CTBLI-KĐT đối với Chi nhánh, tính đến ngày 30/6/2024 là 27.074.099.867 đồng.

Ngày 23/7/2024, Cục Thuế tỉnh B ban hành Thông báo số: 789/TB-CTBLI về việc chuẩn bị áp dụng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với Chi nhánh Công ty X tại Bạc Liêu.

Ngày 28/8/2024, Cục Thuế tỉnh B ban hành Thông báo tiền thuế nợ số: 646/TB-CT đối với Chi nhánh, tính đến ngày 28/8/2024 là 38.066.365.858 đồng.

Ngày 30/8/2024, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B ban hành Quyết định số: 922; 923/QĐ-CTBLI về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng đối với Chi nhánh, có hiệu lực đến ngày 30/9/2024.

Ngày 01/10/2024, Cục Thuế tỉnh B ban hành Thông báo tiền thuế nợ số: 2940/TB-CTBLI-KĐT ngày 01/10/2024, Thông báo số: 1005/TB-CTBLI về việc ngừng sử dụng hóa đơn và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B ban hành Quyết định số: 1063/QĐ-CTBLI về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với Chi nhánh Công ty X tại Bạc Liêu.

Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 của Cục thuế tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về thuế trái quy định pháp luật nên việc Cục Thuế tỉnh B và Cục trưởng căn cứ Quyết định 867 để ban hành các Thông báo tiền thuế nợ và các Quyết định cưỡng chế là không đúng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty X.

Nay, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định như sau:

- Quyết định số: 681/QĐ-CTBLI và 682/QĐ-CTBLI, ngày 27/6/2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản đối với Chi nhánh Công ty X tại Bạc Liêu;

- Quyết định số: 922/QĐ-CTBLI và 923/QĐ-CTBLI, ngày 30/8/2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng đối với Chi nhánh Công ty X tại Bạc Liêu.

- Quyết định số: 1063/QĐ-CTBLI ngày 01/10/2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với Chi nhánh Công ty TNHH X.

- Quyết định số: 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế

- Thông báo tiền thuế nợ số: 2323/TB-CT-KĐT ngày 10/7/2024 của Cục Thuế tỉnh B;

- Thông báo số: 789/TB-CTBLI ngày 23/7/2024 của Cục Thuế tỉnh B về việc chuẩn bị áp dụng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với Chi nhánh Công ty X tại Bạc Liêu.

- Thông báo tiền thuế nợ số: 646/TB-CT ngày 28/8/2024 của Cục Thuế tỉnh B.

- Thông báo số: 1005/TB-CTBLI ngày 01/10/2024 của Cục Thuế tỉnh B.

- Thông báo tiền nợ thuế số 2940/TB-CTBLI-KĐT ngày 01/10/2024 của Cục Thuế tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của N1 bị kiện Cục Thuế tỉnh B (Nay Chi Cục Thuế Khu vực X1) và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B (nay Chi cục trưởng Chi Cục Thuế Khu vực X1) trình bày ý kiến:

Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Lý do: Chi nhánh Công ty X hạch toán độc lập, khi điều chuyển tài sản cố định phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng và phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng. Hành vi của Chi nhánh không nộp thuế giá trị gia tăng là khai sai về thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp theo điểm b khoản 7 Điều 5 của Thông tư 219 năm 2013. Từ đó, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B đã ban hành Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 xử phạt vi phạm hành chính về thuế và ban hành các Thông báo nợ thuế, các Quyết định cưỡng chế về thuế đối với Chi nhánh Công ty X là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Công ty TNHH X là bà Trương Kim T trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của Công ty X. Chi nhánh Công ty X là đơn vị trực thuộc và hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty X từ khi thành lập, đến tháng 03/2019 chuyển sang hình thức hạch toán độc lập và từ tháng 04/2022 đến nay hoạt động theo hình thức hạch toán phụ thuộc nên mọi quyền lợi, nghĩa vụ tham gia tố tụng của Chi nhánh do Công ty X thực hiện. Nay Công ty X khởi kiện Cục Thuế tỉnh B và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu với yêu cầu hủy các Quyết định hành chính trái pháp luật, Chi nhánh hoàn toàn đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Công ty X. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, người bị kiện yêu cầu Tòa án không tiến hành đối thoại nên Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bị kiện vẫn giữ nguyên các Quyết định hành chính bị khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty X trình bày ý kiến tranh luận:

Công ty X là người trực tiếp ký hợp đồng mua hai Cẩu 600 tấn và C 275 tấn với liên danh nhà thầu Huy H, thanh toán tiền mua hàng là do Công ty X thực hiện 09 lệnh ủy nhiệm chi (UNC) tại Ngân hàng P – Sở G, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty X thỏa thuận với bên bán giao hai Cẩu tại Công trường Điện gió Bạc Liêu để thuận tiện cho việc thực hiện Dự án Điện gió. Ngay sau khi Công ty V chính thức bàn giao 02 Cẩu bằng văn bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng ngày 15/11/2014 và ngày 16/02/2015 cho Công ty X, Công ty X thực hiện trích khấu hao tài sản cố định từ khi nhận thiết bị tháng 11/2014. Đồng thời, hai Cẩu đã được Sở Giao thông Vận tải tỉnh C cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, chủ sở hữu là Công ty X. Sau đó, Công ty X ký hợp đồng cho Công ty V (Nhà thầu) thuê lại 02 Cẩu này để thi công tại Công trường Nhà máy Điện gió tính Bạc Liêu theo Hợp đồng số: 48/2014/HĐKT ngày 01/11/2014 về việc thuê thiết bị Cẩu 600 tấn, 275 tấn lắp dựng Turbine gió thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nhà máy Điện gió tỉnh Bạc Liêu – Giai đoạn II và Phụ lục Hợp đồng ngày 16/11/2015. Sau khi thi công xong, Công ty V bàn giao lại 02 Cẩu cho Công ty X ngày 19/9/2016. Do đó, hai Cẩu nêu trên thuộc quyền sở hữu của Công ty X.

Được sự hướng dẫn của Cục Thuế tỉnh C, Công ty V xuất hóa đơn bán hàng hai Cẩu cho Chi nhánh Công ty X và Chi nhánh Công ty X đã thực hiện việc kê khai để được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào cho Chi nhánh Công ty X. Cục Thuế tỉnh B không kiểm tra nguồn gốc tài sản, tính hợp pháp của hóa đơn giá trị gia tăng hàng hóa, không kiểm tra bộ C4 thanh toán hai C mà chấp nhận cho Chi nhánh khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào là không đúng quy định tại Điều 15 của Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ T4 về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Cục thuế tỉnh B cho rằng hai Cẩu là tài sản của Chi nhánh Công ty X nên khi Chi nhánh điều chuyển tài sản về Công ty X thì phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng và kê khai nộp thuế là không đúng quy định pháp luật. Hai Cẩu là tài sản thuộc sở hữu của Công ty X nên Chi nhánh không có quyền sở hữu, không có quyền được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hai Cẩu. Việc Cục thuế tỉnh B chấp nhận cho Chi nhánh khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào là trái quy định pháp luật.

Ngoài ra, Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 867/QĐ-CTBL1 ngày 11/10/2021 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B về hình thức và nội dung không đúng quy định pháp luật. Việc truy thu thuế của Cục thuế tỉnh B không phải là biện pháp khắc phục hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty X và Chi nhánh Công ty X thống nhất với ý kiến tranh luận của Luật sư, không có ý kiến bổ sung.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày ý kiến tranh luận:

Chi nhánh Công ty X hạch toán độc lập, khi điều chuyển tài sản cố định phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng và phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng. Hành vi của Chi nhánh không nộp thuế giá trị gia tăng là khai sai về thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp theo điểm b khoản 7 Điều 5 của Thông tư 219 năm 2013. Từ đó, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B đã ban hành Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Ngoài ra, tính đến thời điểm ngày 01/10/2024, Chi nhánh Công ty X còn nợ tiền thuế là 32.993.441.210 đồng. Trong đó gồm: hơn 19 tỷ nợ thuế khác và hơn 13 tỷ nợ thuế theo Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Do đó, Cục trưởng Cục T ban hành các Thông báo nợ thuế và các Quyết định cưỡng chế về thuế đối với Chi nhánh Công ty X là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Công ty X phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ khoản 6 Điều 12 Luật Doanh nghiệp quy định: Đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạX có hai thành viên, nếu có thành viên là người đại diện theo pháp luật của Công ty bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật cho đến khi có Quyết định mới của Hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ông Tô Hoài D1 là chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty X đang chấp hành hình phạt nên không là đại diện theo pháp luật của Công ty X. Do đó, thành viên còn lại của Công ty là ông Nguyễn Phú N, chức danh tổng giám đốc sẽ đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của Công ty X (Bút lục số 572) như pháp luật quy định.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Công ty X yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định hành chính về lĩnh vực thuế (đã nêu trong đơn khởi kiện, Bút lục số 242) của Cục Thuế tỉnh B và của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B (nay là Chi cục Thuế Khu vực X1 và Chi cục trưởng Chi cục Thuế Khu vực X1). Căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính thì các Quyết định hành chính (đã nêu trong đơn khởi kiện) là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Các Quyết định hành chính (đã nêu trong đơn khởi kiện) được ban hành vào tháng 6, 7, 8 và tháng 10 năm 2024, Công ty X khởi kiện tại Tòa án ngày 11/10/2024 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Quyết định hành chính có liên quan:

Đối với Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, Quyết định này được xem là Quyết định hành chính có liên quan nên Tòa án vẫn xem xét tính hợp pháp của Quyết định này theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Để xem xét xét tính hợp pháp của các Quyết định hành chính bị kiện (là các Thông báo nợ thuế, các Quyết định cưỡng chế về thuế) thì Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

[2.1] *Xét tính hợp pháp của Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, thấy rằng:*

[2.1.1] Về hình thức ban hành: Thẩm quyền ban hành Quyết định là đúng quy định pháp luật.

[2.1.2] Về căn cứ ban hành Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh B: Quyết định căn cứ *"...Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn…"* nhưng tại Phần Quyết định, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B kết luận: *"…Hành vi VPHC quy định tại Điều 107 Luật Quản lý thuế (năm 2006), sửa đổi tại khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi một số điều của Luật Quản lý thuế; được quy định chi tiết tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ"*. Như vậy, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B căn cứ Luật Quản lý thuế năm 2019 nhưng lại áp dụng Luật Quản lý thuế năm 2006 để kết luận hành vi vi phạm hành chính của Chi nhánh Công ty X là không đúng quy định pháp luật.

[2.1.3] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Công ty TNHH X (gọi tắt Công ty X), mã số thuế: 2000354845, địa chỉ: A N, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau; ngành nghề kinh doanh theo Điều lệ công ty: Xây dựng dân dụng (xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng…), đầu tư khu du lịch sinh thái, đầu tư kinh doanh điện gió; có Chi nhánh tại tỉnh Bạc Liêu, mã số thuế: 2000354845-002, địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chi nhánh được thành lập theo Quyết định số: 08/QĐ-CT ngày 01/02/2011 của Hội đồng thành viên Công ty X, trực thuộc và hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty X từ khi thành lập. Đến ngày 03/10/2019, Phòng Đăng ký kinh doanh có Giấy xác nhận số 4504/19 xác nhận Chi nhánh hoạt động theo hình thức hạch toán độc lập, đến tháng 04/2022 thì chuyển sang hình thức hạch toán phụ thuộc *(Giấy xác nhận số: 1615/22 ngày 13/4/2022 về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh).* Chi nhánh không có vốn điều lệ, nguồn vốn đầu tư, hoạt động của Chi nhánh được Công ty X ký kết Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng P – Sở giao dịch II thành phố G.

Để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Điện gió tỉnh Bạc Liêu – Giai đoạn II tại địa chỉ xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, ngày 27/02/2014, Công ty X (Bên mua) ký Hợp đồng số: 07/2014/HĐKT/CL-TH (viết tắt là Hợp đồng 07) (Bút lục số 203) với Liên danh nhà thầu: Công ty Cổ phần V (viết tắt là Công ty V) và Chi nhánh Công ty TNHH X (Bên bán) để mua 01 cần Cẩu bánh xích sức nâng 600 tấn và 01 cần Cẩu bánh xích sức nâng 275 tấn, giá hợp đồng: Cẩu 600 tấn giá 133.235.650.000 đồng, Cẩu 275 tấn giá 27.407.270.000 đồng, chi phí khác gồm: Vận chuyển, bảo hiểm 2.879.325.860 đồng. Tổng giá trị bằng 163.522.245.860 đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng - VAT). Việc Công ty X mua 02 thiết bị này được thể hiện tại Quyết định phê duyệt tổng mức đầu tư của dự án *(Quyết định số 38A/QĐ-CL ngày 15/03/2017).* Theo Hợp đồng các bên thỏa thuận nhiều nội dung trong đó có thỏa thuận nội dung phạm vi công việc bên bán cung cấp mới 100% thiết bị Cẩu bánh xích sức nâng 600 tấn và C bánh xích sức nâng 275 tấn tại chân công trình Nhà máy Điện gió tỉnh Bạc Liêu, xã V, thành phố B và các phụ tùng đồng bộ kèm theo. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận thông tin xuất hóa đơn: Chi nhánh Công ty TNHH X. Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Mã số thuế 2000354845-002).

Trong các ngày: 19/3/2014, 10/6/2014, 17/10/2014, 03/2/2015, 24/3/2015, 25/4/2015, 27/6/2015, 22/03/2016 (Bút lục số 153, 157, 161, 165, 169, 173, 177, 181, 185), Công ty X thực hiện 09 lệnh Ủy nhiệm chi (viết tắt UNC) tại Ngân hàng P – Sở G, thành phố Hồ Chí Minh (Công ty X ký kết Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng P – Sở G, thành phố Hồ Chí Minh) để thanh toán toàn bộ giá trị Hợp đồng số 07 nêu trên cho Công ty V, tổng số tiền: 179.874.470.446 đồng (đã bao gồm thuế VAT). Hợp đồng số 07 đứng tên Bên mua là Công ty X, chính

Công ty X thanh toán giá trị hợp đồng cho Bên bán là Công ty V bằng hình thức UNC tại Ngân hàng P – Sở G, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngay sau khi Công ty V chính thức bàn giao 02 Cẩu bằng văn bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng ngày 15/11/2014 và ngày 16/02/2015 (Bút lục số 121, 129) cho Công ty X, Công ty X thực hiện trích khấu hao tài sản cố định từ khi nhận thiết bị tháng 11/2014 và cho Công ty V (Nhà thầu) thuê lại 02 Cẩu này để thi công tại Công trường Nhà máy Điện gió tính Bạc Liêu theo Hợp đồng số: 48/2014/HĐKT ngày 01/11/2014 về việc thuê thiết bị Cẩu 600 tấn, 275 tấn lắp dựng Turbine gió thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nhà máy Điện gió tỉnh Bạc Liêu – Giai đoạn II và Phụ lục Hợp đồng ngày 16/11/2015. Sau khi thi công xong, Công ty V bàn giao lại 02 Cẩu cho Công ty X ngày 19/9/2016.

Hồ sơ sổ sách lưu giữ của Công ty X thể hiện như sau:

* Đối với Cẩu Hitachi Sumitomo 275 tấn:

Ngày 14/8/2014, Công ty X và Liên danh nhà thầu Công ty V và Chi nhánh Công ty TNHH X (Ba bên) ký Biên bản nghiệm thu thiết bị không tải số: 04A/NBTB và Biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử có tải số: 04B/NBTB (Bút lục 117, 119)

Ngày 01/11/2014, Chi nhánh Công ty X lập Biên bản bàn giao tài sản giao lại Cẩu 275 tấn cho Công ty X (Bút lục số 207). Do địa điểm bàn giao thiết bị tại Công trường Nhà máy điện gió tỉnh Bạc Liêu còn Công ty X ở Cà Mau, nên Chi nhánh Công ty X nhận giữ tài sản trước khi Công ty V đến bàn giao chính thức 02 Cẩu cho Công ty X, vì vậy mới có Biên bản bàn giao tài sản ngày 01/11/2014 nêu trên (giữa Chi nhánh và Bên bán Công ty V không có Biên bản giao nhận 02 Cẩu).

Đến ngày 15/11/2014, Công ty X và Liên danh nhà thầu Công ty V và Chi nhánh Công ty TNHH X (Ba bên) chính thức ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đối với Cẩu 275 tấn (Bút lục số 121). Cùng ngày 15/11/2014, Công ty V (Nhà thầu) xác nhận thuê lại Cẩu 275 tấn theo Hợp đồng 48 tại Biên bản số: 01/TGSD-275T về việc: Xác nhận thời gian bắt đầu đưa thiết bị vào sử dụng phục vụ công tác lắp đặt Turbine gió ký với Công ty X.

Ngày 03/12/2014, Sở Giao Thông Vận Tải tỉnh C cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 365/XMCD, chủ sở hữu là Công ty X, địa chỉ A, đường N, Phường H, thành phố C, tên xe máy chuyên dùng là Cần trục bánh xích, biển số đăng ký 69XA-0567 đối với Cẩu 275 tấn (Bút lục 306).

Sau khi thi công xong, ngày 19/9/2016, Công ty X (Bên nhận) và Công ty V (Bên giao) ký Biên bản bàn giao thiết bị cần cẩu 275 tấn (Bút lục số 308).

* Đối với Cẩu T2 600 tấn:

Tương tự như trường hợp Cẩu 275 tấn, ngày 16/02/2015, Công ty X và Liên danh nhà thầu Công ty V và Chi nhánh Công ty TNHH X (Ba bên) ký Biên bản

nghiệm thu thiết bị không tải và Biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử có tải (Bút lục số 129)

Đến ngày 21/02/2015, Chi nhánh Công ty X lập Biên bản bàn giao tài sản giao lại Cẩu 600 tấn cho Công ty X *(Lý do bàn giao tương tự như phần Cẩu 275 tấn)*. Cùng trong ngày 21/02/2015, Công ty X và Bên bán Liên danh nhà thầu Công ty V và Chi nhánh Công ty TNHH X (Ba bên) chính thức ký Biên bản số 01/NTBG/2015 Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng (Bút lục số 208). Ngay sau đó, Công ty V (Nhà thầu) xác nhận thuê lại Cẩu 600 tấn theo Hợp đồng 48 ngày 01/11/2014 tại Biên bản số: 02/TGSD-600T về việc: Xác nhận thời gian bắt đầu đưa thiết bị vào sử dụng phục vụ công tác lắp đặt Turbine gió ký với Công ty X trong cùng ngày 21/02/2015 (Bút lục 326).

Ngày 24/07/2015, Sở Giao Thông Vận Tải tỉnh C cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 434/XMCD, chủ sở hữu là Công ty X, địa chỉ A, đường N, Phường H, thành phố C, tên xe máy chuyên dùng là Cần trục bánh xích, biển số đăng ký 69XA-0569 đối với cẩu 600 tấn (Bút lục số 306)

Sau khi thi công xong, ngày 19/9/2016, Công ty X (Bên nhận) và Công ty V (Bên giao) ký Biên bản bàn giao thiết bị cần cẩu 600 tấn (Bút lục 309).

Như vậy, sau khi ký Hợp đồng số 07 và thanh toán theo tiến độ hợp đồng, đã có sự bàn giao chính thức bằng văn bản từ Bên bán Liên danh nhà thầu Công ty V và Chi nhánh Công ty TNHH X sang Bên mua Công ty X. Trên thực tế có Biên bản bàn giao tài sản ngày 01/11/2014 và ngày 21/02/2015 từ Chi nhánh Công ty X sang Công ty X là Chi nhánh giữ và giao lại cho Công ty X trước khi Bên bán chính thức bàn giao thiết bị cho Bên mua vào ngày 15/11/2014 và ngày 21/02/2015. Ngay sau khi nhận bàn giao chính thức từ Bên bán, Công ty X cho Công ty V (Nhà thầu) thuê lại 02 Cẩu để thi công tại Công trường Nhà máy Điện gió tỉnh Bạc Liêu theo Hợp đồng 48 ngày 01/11/2014 và Phụ lục Hợp đồng ngày 16/11/2015.

Do đó, 02 Cẩu thuộc quyền sở hữu của Công ty X, Công ty X ký Hợp đồng mua, thanh toán và nhận bàn giao trực tiếp bằng văn bản từ Bên bán. Ngay sau khi nhận 02 Cẩu, Công ty X cho Công ty V thuê lại để thi công tại Dự án Điện gió tỉnh Bạc Liêu. Chi nhánh không có quyền sở hữu đối với 02 Cẩu. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Cục thuế tỉnh C nên Bên bán Công ty V đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) mua 02 Cẩu theo Hợp đồng 07 cho Chi nhánh, tổng cộng 03 Hóa đơn *(Hóa đơn số: 107 ngày 01/10/2014, hóa đơn số: 157 ngày 02/02/2015, hóa đơn số: 165 ngày 16/03/2015)*. Chi nhánh Công ty X dùng các hóa đơn này để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo sự hướng dẫn của Cục Thuế tỉnh C tại Biên bản Thanh tra thuế Công ty C2 lập ngày 05/3/2015 (thời gian thanh tra thực tế từ 01/10/2014 đến 13/11/2014) có nội dung: *"Về quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 đối với Dự án Đầu tư Xây dựng công trình Nhà máy Điện gió Bạc Liêu: Công ty rà soát lại số liệu, lập quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, báo cáo tài chính… kê khai tại Cục thuế tỉnh B toàn bộ doanh thu, chi phí đối với hoạt động kinh doanh Nhà máy Điện gió Bạc Liêu"*. Cục

Thuế tỉnh B chấp nhận cho Chi nhánh Công ty X được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nhưng không kiểm tra các hồ sơ, chứng từ thanh toán 02 Cẩu có đúng theo quy định pháp luật hay không.

Theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ T4: *"Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào"*

1. *Có hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào ....*

2. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào ... từ hai mươi triệu đồng trở lên…Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt gồm chứng từ thanh toán qua ngân hàng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt khác hướng dẫn tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

3. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng được hiểu là có chứng từ chứng minh việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản của bên bán (tài khoản của bên mua và tài khoản của bên bán phải là tài khoản đã đăng ký hoặc thông báo với cơ quan thuế) mở tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo các hình thức thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành như séc, ủy nhiệm chi hoặc lệnh chi, ủy nhiệm thu, nhờ thu, thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng, sim điện thoại (ví điện tử) và các hình thức thanh toán khác theo quy định (bao gồm cả trường hợp bên mua thanh toán từ tài khoản của bên mua sang tài khoản bên bán mang tên chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc bên mua thanh toán từ tài khoản của bên mua mang tên chủ doanh nghiệp tư nhân S1 tài khoản bên bán nếu tài khoản này đã được đăng ký giao dịch với cơ quan thuế)…".

Các UNC thanh toán Cẩu theo Hợp đồng 07 là của Bên mua Công ty X thanh toán cho Bên bán Công ty V, Công ty X thực hiện trích khấu hao tài sản cố định từ thời điểm nhận bàn giao tài sản tháng 11/2014, tổng số tiền trích khấu hao đối với 02 Cẩu tính đến tháng 12/2020 là 47.412.488.222 đồng. Khi Chi nhánh Công ty X nộp hồ sơ kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào tại Cục Thuế tỉnh B theo sự hướng dẫn của Cục Thuế tỉnh C tại Biên bản Thanh tra thuế ngày 05/3/2015 nêu trên, Cục Thuế tỉnh B chấp nhận khấu trừ thuế GTGT đầu vào cho Chi nhánh nhưng lại không kiểm tra hồ sơ thanh toán 02 Cẩu có đúng theo quy định pháp luật tại Điều 15 của Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ T4 hay không. Mặt khác, thời điểm này Chi nhánh trực thuộc và hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty X, Chi nhánh được khấu trừ thuế GTGT đầu vào thì Công ty X không được khấu trừ nữa. Hơn nữa, Chi nhánh không có thẩm quyền điều chuyển tài sản và trường hợp này Chi nhánh không điều chuyển tài sản về Công ty X nên Cục Thuế tỉnh B kết luận Chi nhánh không xuất hóa đơn khi điều chuyển tài sản về Công ty X là không có căn cứ pháp luật. Bởi lẽ:

Theo các quy định pháp luật mà Đoàn kiểm tra, Cục trưởng và Cục Thuế tỉnh B viện dẫn tại Phụ lục Biên bản Kiểm tra thuế và Quyết định 867 nêu trên *"Trường hợp tài sản điều chuyển giữa các đơn vị hạch toán độc lập ... tổ chức, cá nhân có tài sản điều chuyển phải lập hóa đơn GTGT ..."* thì Chi nhánh hạch toán độc lập, có tài sản điều chuyển về Công ty, phải xuất hóa đơn GTGT và kê

khai nộp thuế. Tuy nhiên, trong trường hợp này, Chi nhánh được thành lập và hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty X và hạch toán phụ thuộc tại thời điểm này nên Chi nhánh không có thẩm quyền điều chuyển tài sản về Công ty X. Mặt khác, 02 Cẩu thuộc quyền sở hữu của Công ty X chứ không phải của Chi nhánh Công ty X. Công ty X ký Hợp đồng 07 để mua 02 Cẩu và ký 09 UNC thanh toán cho Bên bán theo tiến độ Hợp đồng 07 và Sở Giao Thông Vận Tải tỉnh C đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đối với 02 Cẩu, chủ sở hữu là Công ty X. Sau khi nhận bàn giao trực tiếp từ Bên bán, Công ty X cho Nhà thầu Công ty V thuê lại để thi công Dự án Điện gió tại Bạc Liêu (Chủ đầu tư là Công ty X). Do địa điểm bàn giao 02 Cẩu là Công trường Nhà máy Điện gió tỉnh Bạc Liêu nên Chi nhánh nhận giữ tài sản (02 Cẩu) trước khi Công ty V bàn giao chính thức bằng văn bản cho Công ty X nên mới có Biên bản bàn giao tài sản ngày 01/11/2014 và 21/02/2015 giữa Chi nhánh và Công ty X (giữa Công ty V và Chi nhánh không có Biên bản giao nhận 02 Cẩu).

Cục Thuế tỉnh B chấp nhận cho Chi nhánh sử dụng các hóa đơn 02 Cẩu để khấu trừ thuế GTGT đầu vào là không đúng quy định pháp luật: Việc Công ty V xuất hóa đơn GTGT 02 Cẩu cho Chi nhánh là do Cục Thuế tỉnh C hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện tại Biên bản Thanh tra thuế ngày 05/3/2015 như đã trình bày trên. Khi Chi nhánh thực hiện các thủ tục kê khai và nộp thuế, Cục Thuế tỉnh B không kiểm tra hồ sơ chấp nhận cho Chi nhánh sử dụng các hóa đơn 02 Cẩu để khấu trừ thuế GTGT đầu vào, trong khi các chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (các UNC) là của Công ty X. Việc Cục Thuế tỉnh B chấp nhận cho Chi nhánh được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của 02 Cẩu là trái quy định pháp luật tại Điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ T4 quy định về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, là yêu cầu phải có chứng từ thanh toán của người mua hàng hóa, trong trường hợp này chứng từ thanh toán (bao gồm: Hợp đồng mua bán, Biên bản nghiệm thu & bàn giao tài sản, các UNC, …) đều đứng tên Công ty X là Bên mua, Công ty X ký UNC thanh toán, chứ không phải Chi nhánh. Tuy nhiên, khi Công ty V xuất hóa đơn GTGT lại ghi Đơn vị mua hàng là Chi nhánh. Do đó, các hóa đơn GTGT này không hợp pháp. Cục Thuế tỉnh B không kiểm tra tính hợp pháp của các hóa đơn này mà chấp nhận cho Chi nhánh được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với 02 Cẩu là trái quy định của pháp luật tại Điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 như phân tích trên.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B kết luận hành vi vi phạm của Chi nhánh *"không xuất hóa đơn khi điều chuyển tài sản dẫn đến làm giảm số thuế GTGT phải nộp"* là *hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn* quy đinh tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ là không phù hợp. Cụ thể điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định 129 quy định như sau: *"1. Các trưởng hợp khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, bao gồm: a. Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, tăng số thuế được miễn, giảm nhưng người nộp thuế đã ghi*

chép kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế làm phát sinh nghĩa vụ thuế trên sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ".

Theo quy định pháp luật nêu trên, Chi nhánh không có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, tăng số thuế được miễn, giảm. Chi nhánh thực hiện theo hướng dẫn của Cục Thuế tỉnh C và Cục Thuế tỉnh B, khi Chi nhánh nộp hồ sơ khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với 02 Cẩu đã không được Cục Thuế tỉnh B hướng dẫn, Cục Thuế tỉnh B không kiểm tra bộ chứng từ thanh toán kèm theo Hóa đơn GTGT nhưng lại chấp nhận cho Chi nhánh được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hóa đơn 02 Cẩu. Chi nhánh không có quyền sở hữu đối với tài sản nên không có quyền được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với 02 Cẩu và việc Cục Thuế tỉnh B chấp nhận khấu trừ thuế GTGT đầu vào 02 Cẩu cho Chi nhánh, trong khi chứng từ thanh toán là của Công ty X. Nên không có căn cứ kết luận Chi nhánh khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, tăng số thuế được miễn, giảm mà cơ quan thuế buộc phải khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện cho rằng: Tính đến thời điểm ngày 01/10/2024, Chi nhánh Công ty X còn nợ tiền thuế là 32.993.441.210 đồng. Trong đó: hơn 19 tỷ nợ thuế khác (gồm nợ tiền thuế bán điện, tiền chậm nộp của tiền nộp thuế bán điện, thuế tài nguyên, tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân) và hơn 13 tỷ tiền nợ thuế do chậm nộp tiền thuế trên số thuế truy thu theo Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Do nợ thuế các khoản tính gộp vào nên hiện nay Chi nhánh Công ty X còn nợ thuế 32.993.441.210 đồng. Ngoài ra, theo Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 xử phạt vi phạm hành chính về thuế, đối với việc truy thu thuế GTGT số tiền 16.352.224.586 đồng thì cơ quan thuế đã tự động khấu trừ toàn bộ tiền truy thu thuế này nên hiện nay Chi nhánh Công ty X không còn nợ đối với khoản thuế này. Từ đó, Cục Thuế tỉnh B mới ban hành các Thông báo nợ thuế và các Quyết định cưỡng chế về thuế đối với Chi nhánh Công ty X là đúng quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra, trong trường hợp này Cục Thuế tỉnh B phải tách giữa nợ thuế theo Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 xử phạt vi phạm hành chính về thuế và các khoản nợ thuế khác để ban hành Thông báo nợ thuế và các Quyết định cưỡng chế về thuế riêng biệt nhưng Cục Thuế tỉnh B lại gộp các khoản nợ thuế vào chung các Thông báo nợ thuế, các Quyết định cưỡng chế về thuế là không phù hợp. Mặt khác, Cục Thuế tỉnh B tự động khấu trừ tiền truy thu thuế số tiền 16.352.224.586 đồng theo Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 xử phạt vi phạm hành chính về thuế nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết trong khi Quyết định này đang bị khởi kiện.

Như đã phân tích nêu trên, Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về thuế là không đúng quy định của pháp luật.

[2.2] *Xét tính hợp pháp của các Quyết định hành chính bị kiện gồm các Thông báo thuế nợ và các Quyết định cưỡng chế về thuế, thấy rằng:*

Do Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 xử phạt vi phạm hành chính về thuế không đúng quy định pháp luật nên dẫn đến việc Cục Thuế tỉnh B và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B căn cứ vào Quyết định số 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 này để ban hành các Thông báo tiền thuế nợ và các Quyết định cưỡng chế về thuế là cũng không đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X, chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty X; Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty X được chấp nhận nên Công ty X không phải chịu án phí. Công ty X đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000468 ngày 11/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Cục Thuế tỉnh B (nay là Chi cục Thuế Khu vực X1) phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B (Nay Chi cục trưởng Chi cục Thuế Khu vực X1) phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, khoản 1 Điều 6, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính;

- Luật Quản lý thuế; Luật Doanh nghiệp; Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ T4 hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH X (gọi tắt Công ty X)

2. Hủy các Quyết định hành chính như sau:

- Quyết định số: 867/QĐ-CTBLI ngày 11/10/2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế

- Quyết định số: 681/QĐ-CTBLI và 682/QĐ-CTBLI, ngày 27/6/2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản đối với Chi nhánh Công ty X tại Bạc Liêu;

- Quyết định số: 922/QĐ-CTBLI và 923/QĐ-CTBLI, ngày 30/8/2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng đối với Chi nhánh Công ty X tại Bạc Liêu.

- Quyết định số: 1063/QĐ-CTBLI ngày 01/10/2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với Chi nhánh Công ty TNHH X.

- Thông báo tiền thuế nợ số: 2323/TB-CT-KĐT ngày 10/7/2024 của Cục Thuế tỉnh B;

- Thông báo số: 789/TB-CTBLI ngày 23/7/2024 của Cục Thuế tỉnh B về việc chuẩn bị áp dụng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với Chi nhánh Công ty X tại Bạc Liêu.

- Thông báo tiền thuế nợ số: 646/TB-CT ngày 28/8/2024 của Cục Thuế tỉnh B.

- Thông báo số: 1005/TB-CTBLI ngày 01/10/2024 của Cục Thuế tỉnh B.

- Thông báo tiền nợ thuế số 2940/TB-CTBLI-KĐT ngày 01/10/2024 của Cục Thuế tỉnh B.

3. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 13/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử giải quyết xong vụ án.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm:

4.1. Công ty X không phải chịu án phí. Công ty X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000468 ngày 11/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

4.2. Cục Thuế tỉnh B (nay Chi cục Thuế Khu vực X1) phải nộp án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

4.3. Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B (nay Chi cục trưởng Chi cục Thuế Khu vực X1) phải nộp án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP . HCM;

TÒA
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: HSVA,THC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Huỳnh Thị Kiều Anh